

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 10-5-2018.

Về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Nô;
2. Bà Huỳnh Thị Lượng.

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thuyền – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Bò Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 55/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2018 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2018/QĐXX-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trịnh Thị G, sinh năm 1984, có mặt;
- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1985, vắng mặt;

Cùng địa chỉ thường trú: Thôn Cảnh Tịnh, xã H T, huyện T H, tỉnh P Y; cùng địa chỉ tạm trú: Tổ 4, khu phố K L, phường T P K, thị xã T U, tỉnh B D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/01/2018, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trịnh Thị G trình bày:

Bà Trịnh Thị G và ông Nguyễn Văn L chung sống với nhau từ năm 2006, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Thịnh, huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên ngày 12/12/2008. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, ông L không lo làm ăn, thường xuyên chơi bời đánh đập bà G. Bà G đã có nhiều biện pháp để ông L thay đổi nhưng không được nên vợ chồng đã ly thân 6 tháng. Do tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà G khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn L.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Trịnh Khánh V, sinh ngày 12/11/2008 và Nguyễn Khánh T, sinh ngày 13/11/2014. Khi ly hôn bà G yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Khánh T và Nguyễn Trịnh Khánh V, không yêu cầu ông Lệnh cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn L được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 07/3/2018 và ngày 03/4/2018 và triệu tập tham gia phiên toà ngày 20/4/2018 và 10/5/2018 nhưng ông L vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà G.

Tại phiên tòa, bà G giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn với ông L; về con chung: Bà G yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Khánh T, ông L trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Trịnh Khánh V. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên toà sơ thẩm như sau:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên toà, những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng trình tự, thủ tục theo qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Gái về việc xin ly hôn với ông L; về con chung: Chấp nhận đề nghị của bà Gái về việc yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Khánh T, ông L trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Trịnh Khánh V, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền: Nguyên đơn bà Trịnh Thị G khởi kiện ông Nguyễn Văn L về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con, ông L có đăng ký tạm trú tại địa chỉ Tổ 4, khu phố K L, phường T P K, thị xã T U, tỉnh B D, nên căn cứ Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên.

[2]. Về việc vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Văn L: Ông L đã được Tòa án triệu tập để tham gia phiên toà ngày 20/4/2018 và 10/5/2018, nhưng ông L vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt ông L.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trịnh Thị G và ông Nguyễn Văn L chung sống với nhau năm 2008, bà G và ông L là những người đủ điều kiện kết hôn, chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Thịnh, huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 97/2008 ngày 12/12/2008, đây là hôn nhân hợp pháp.

[4]. Về mâu thuẫn vợ chồng: Bà G cho rằng quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, ông L không lo làm ăn, thường xuyên chơi bời đánh đập bà G. Bà G với ông L đã ly thân khoảng 06 tháng. Vì mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà G yêu cầu được ly hôn với ông L. Ông L mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để hoà giải, tham gia phiên toà nhưng ông L vẫn không đến, điều này cho thấy ông L hoàn toàn không có thiện chí để Tòa án hòa giải, vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái. Như vậy, có cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng bà G, ông L là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà G yêu cầu được ly hôn với ông L là có cơ sở chấp nhận.

[5]. Về con chung: Bà G và ông L có 02 con chung tên Nguyễn Trịnh Khánh V, sinh ngày 12/11/2008 và Nguyễn Khánh T, sinh ngày 13/11/2014. Tại phiên tòa, bà G yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Khánh T, ông L trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Trịnh Khánh V. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Biên bản lấy lời khai 27/02/2018 của cháu Trịnh Khánh V (là con trên 7 tuổi) khai nếu cha mẹ ly hôn thì cháu V sẽ sống cùng với ba.

Xét cháu V đã 10 tuổi, cháu T chưa đủ 4 tuổi nên việc giao cháu T cho bà G nuôi dưỡng sẽ đảm bảo sự phát triển của cháu T hơn giao cho ba nuôi dưỡng, cháu V có nguyện vọng được sống chung với ba. Do đó, đề nghị của bà G là phù hợp với quy định của pháp luật, bảo đảm quyền và nghĩa vụ nuôi con của cha mẹ nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[6]. Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7]. Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[8]. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9]. Về án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Các Điều 28, 35, 39, 92, 147, 227, 228, 266, 271, 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trịnh Thị G về việc xin ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Văn L như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trịnh Thị G được ly hôn với ông Nguyễn Văn L.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trịnh Khánh V, sinh ngày 12/11/2008 cho ông Nguyễn Văn L trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Khánh T, sinh ngày 13/11/2014 cho bà Trịnh Thị G trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Trịnh Thị G và ông Nguyễn Văn L đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người được trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

2. Về án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm: Bà Trịnh Thị G phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013687, ngày 01/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Trịnh Thị G có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; ông Nguyễn Văn L vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Tân Uyên;
- Chi cục THA Dân sự thị xã Tân Uyên;
- UBND xã Hòa Thịnh, huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Bích Huệ